

Bản án số: 09/2024/HS-ST
Ngày: 24 - 01 -2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huệ
Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 170/2023/HSST ngày 22 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: TL), sinh năm 1975 tại Phú Thọ.

Nơi đăng ký thường trú: Khu 16, xã A, huyện B, tỉnh Phú Thọ; chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Vy Thị Ph; bị cáo có vợ tên Ngô Thị Bích Tr và có 03 người con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 03/11/2005 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu G, thị trấn H, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Anh Đinh Tiến M, sinh năm 1986 (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã I, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Đình K, sinh năm 1973 (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Khu G, thị trấn H, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 09/6/2023, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô Dream màu nâu, biển số: 93F4-2591 của T đi từ huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông đến huyện Phù Yên, tỉnh Bình Phước với mục đích trộm cắp tài sản. Đến khoảng 00 giờ 15 phút ngày 10/6/2023, T đi đến trước nhà chị Nguyễn Thị Huỳnh N thuộc khu G, thị trấn I, thấy nhà chị N không đóng cửa nhà, nên T đi vào bên trong nhà chị N lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max, loại 128 Gb và 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9, loại 128 Gb. Sau đó, T mang điện thoại Iphone bán cho tiệm điện thoại (không nhớ tên) được 1.500.000 đồng và bán điện thoại Oppo tại thành phố Hồ Chí Minh (không nhớ rõ địa chỉ) được 600.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Tiếp tục vào khoảng 16 giờ ngày 20/6/2023, T điều khiển xe mô tô Dream màu nâu, biển số 93F4-2591, đi từ huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông xuống nhà ông Phạm Đình K, sinh năm: 1975, ngụ tại: khu G, thị trấn I, huyện Phù Yên. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì T có nhờ K chở đi công việc thì K đồng ý. K dùng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại xe Sirius, biển số: 22B1-457.04 của K chở T đến khu vực thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Phù Yên. Khi đến nơi, T nói K dừng lại cho T xuống đây khi nào xong việc T gọi thì K xuống đón. Sau đó, T ngồi núp ở bụi chuối bên đường cách nhà anh Đình Tiến M thuộc thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Phù Yên khoảng 50m. Đến khoảng 01 giờ ngày 21/6/2023, T đi vào nhà anh M dùng kim (vì T mang theo) bẻ lưới cửa cánh cửa, dùng tay mở chốt phía trong để vào trong nhà lấy trộm 01 điện thoại Samsung Galaxy A21S, loại 64Gb, 01 điện thoại Iphone 7 plus, loại 128Gb và 02 cái bóp (ví) bên trong có 13.700.000 đồng (T lấy tiền để lại 02 cái bóp). Sau khi lấy trộm tài sản xong, T gọi điện cho K xuống đón. Do điện thoại Iphone đã bể màn hình nên T vứt ở dọc đường không nhớ vị trí, còn điện thoại Samsung T bán cho một tiệm điện thoại không nhớ rõ địa chỉ được 1.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Phát hiện bị mất tài sản, chị N và anh M làm đơn trình báo Cơ quan Công an. Công an thị trấn Đức Phong và Công an xã Đức Liễu lập hồ sơ vụ việc chuyển giao cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện Phù Yên để điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 44/KL-ĐG ngày 17/7/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Phù Yên xác định tại thời điểm xảy ra tội phạm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, loại 128Gb màu đen có giá trị là 2.900.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A21s, loại 64Gb có giá trị là 2.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 45/KL-ĐG ngày 17/7/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Phù Yên xác định tại thời điểm xảy ra tội phạm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, loại 128Gb có giá trị là 11.900.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9, loại 128Gb có giá trị là 3.400.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 05/CT – VKS ngày 21/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo đang tạm giam, không có thu nhập nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho chị Nguyễn Thị Huỳnh N số tiền 14.590.000 đồng và anh Đinh Tiến M số tiền 18.600.000 đồng.

Về vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại xe Sirius, biển số: 22B1- 457.04 của ông Phạm Đình K không liên quan đến vụ án trả lại cho của ông Phạm Đình K là chủ sở hữu hợp pháp nên không xem xét.

- 01 xe mô tô Dream, màu sơn: nâu, biển số 93F4-2591 là phương tiện mà T sử dụng để đi thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông đã thu giữ, xử lý trong vụ án khác nên không đề cập xử lý.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu theo quy định.

Bị hại chị Nguyễn Thị Huỳnh N xác định sau khi bị cáo vào nhà chị để lấy tài sản thì chị N bị mất 03 điện thoại bao gồm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, 01 điện thoại di động hiệu Oppo và 01 điện thoại hiệu Iphone 12. Về trách nhiệm dân sự, chị N yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị N giá trị tài sản theo kết quả định giá; về hình phạt thì đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát và xin được giảm nhẹ phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại anh Đinh Tiến M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đình K: Xét thấy anh M, ông K đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra và có đơn xin giải quyết vắng mặt, việc vắng mặt của anh M, ông K không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 xử vắng mặt anh M, ông K.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị Huỳnh N khai sau khi bị cáo vào nhà chị để lấy tài sản thì chị N bị mất 03 điện thoại bao gồm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, 01 điện thoại di động hiệu Oppo và 01 điện thoại hiệu Iphone 12. Tuy nhiên, bị cáo chỉ thừa nhận chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax và 01 điện thoại di động hiệu Oppo chứ không chiếm đoạt điện thoại Iphone 12 của chị N. Quá trình điều tra không có chứng cứ xác định bị cáo đã chiếm đoạt tài sản này của chị N. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ xác định: Khoảng 00 giờ 15 phút ngày 10/6/2023, Nguyễn Văn T thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen có tổng giá trị là 14.590.000 đồng của chị Nguyễn Thị Huỳnh N thuộc khu G, thị trấn I, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Đến khoảng 01 giờ ngày 21/6/2023, T tiếp tục trộm cắp 01 điện thoại Samsung giá trị là 2.000.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 7 Plus trị giá là 2.900.000 đồng và số tiền mặt 13.700.000 đồng, tổng cộng là 18.600.000 đồng của anh Đinh Tiến M thuộc thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng với bản tính lười lao động, bị cáo vẫn cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Sau khi phạm tội tại Bình Phước bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại tỉnh Đắk Nông, bị Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa và Tòa án nhân dân huyện Đắk Lắk xét xử. Điều này chứng tỏ bị cáo là người xem thường pháp luật nên cần xử bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt cần xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau cho bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Vào ngày 10/6/2023, bị thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị giá là 14.590.000 đồng của chị Nguyễn Thị Huỳnh N. Đến ngày 21/6/2023, T tiếp tục trộm cắp tài sản với tổng giá trị là 18.600.000 đồng của anh Đinh Tiến M. Như vậy bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp 02 lần nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02

lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có con nhỏ, đồng con đang ở tuổi ăn học đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo hiện đang bị tạm giam, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại xe Sirius, biển số: 22B1-457.04 của ông Phạm Đình K không liên quan đến vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho của ông Phạm Đình K là chủ sở hữu hợp pháp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô Dream, màu sơn: nâu, biển số 93F4-2591 là phương tiện mà T sử dụng để đi thực hiện hành vi phạm tội đã bị Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông thu giữ, xử lý trong vụ án khác nên không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Do tài sản là điện thoại di động bị cáo chiếm đoạt của các bị hại không thu hồi được, số tiền mặt chiếm đoạt của anh Đinh Tiến M bị cáo đã tiêu xài hết nên cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường giá trị của các tài sản này cho các bị hại. Cụ thể: Bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Huỳnh N số tiền 14.590.000 đồng và anh Đinh Tiến M số tiền 18.600.000 đồng.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Huỳnh N tiền 14.590.000 đồng (*mười bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*) và anh Đinh Tiến M số tiền 18.600.000 đồng (*mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất nợ cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 1.659.500 đồng (một triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước.
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Đào